



Review Article

## From “Compilations” to “*Sui Generis* Right”: Which Approach to Digital Database Protection?

Nguyen Luong Sy\*

*University of Law, Hue University, Vo Van Kiet, Hue, Vietnam*

Received 9 August 2021

Revised 26 September 2021; Accepted 26 October 2021

**Abstract:** Databases under the Berne Convention 1886, the TRIPS Agreement 1994 and the WIPO Copyright Treaty 1996 are copyrighted as “compilations”. The EU has initiated the establishment of *sui generis* database right of Intellectual Property protection. Meanwhile, the United States refuses to apply the same system. This article addresses the question: What lessons for Vietnam to build an appropriate mechanism for such valuable assets of the digital era as databases?

**Keywords:** Database, *sui generis* right, copyright.

---

\* Corresponding author.

E-mail address: [synl@hul.edu.vn](mailto:synl@hul.edu.vn)

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4378>

# Từ “sưu tập dữ liệu” đến “quyền sui generis”: Cơ chế nào để bảo hộ cơ sở dữ liệu kỹ thuật số?

Nguyễn Lương Sỹ\*

*Trường Đại học Luật, Đại học Huế, Võ Văn Kiệt, Huế, Việt Nam*

Nhận ngày 9 tháng 8 năm 2021

Chỉnh sửa ngày 26 tháng 9 năm 2021; Chấp nhận đăng ngày 26 tháng 10 năm 2021

**Tóm tắt:** Cơ sở dữ liệu (CSDL) theo quy định của Công ước Berne 1886, Hiệp định TRIPS 1994 và Hiệp định WCT 1996 được bảo hộ dưới dạng “sưu tập dữ liệu” theo cơ chế quyền tác giả. EU đã tiên phong cho việc xây dựng hệ thống riêng (*sui generis*) về bảo hộ CSDL dưới hình thức một đối tượng sở hữu trí tuệ độc lập. Trong khi đó, Hoa Kỳ từ chối áp dụng cơ chế *sui generis*. Bài viết này trả lời câu hỏi: Việt Nam có thể học hỏi kinh nghiệm gì để xây dựng cơ chế bảo hộ phù hợp cho một loại tài sản của kỹ nghệ số như CSDL?

**Từ khóa:** Cơ sở dữ liệu, quyền *sui generis*, quyền tác giả.

## 1. Thách thức pháp lý trước bước nhảy vọt của công nghệ dữ liệu

Dữ liệu được xem là xương sống của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Trong xã hội thông tin, dữ liệu vận hành và chi phối hầu hết mọi hoạt động, từ mua sắm cá nhân đến nghiên cứu khoa học. Tầm quan trọng của dữ liệu với xã hội loài người vốn đã được thừa nhận từ hàng nghìn năm, thể hiện qua việc ghi nhận dữ liệu bằng nhiều phương tiện dù thô sơ nhất như đá, gỗ, hay giấy và lưu trữ chúng bằng hàng triệu quyển sách, tủ tài liệu trong các hệ thống thư viện. Chính hoạt động ghi nhận, sắp xếp, quản lý và lưu trữ đó đã hình thành nên khái niệm CSDL. Mặc dù đã xuất hiện từ xa xưa, nhưng chỉ đến khi máy tính ra đời, CSDL mới thực sự bước chân vào một cuộc cách mạng, trở thành thành tố then chốt của kỹ nghệ Internet vạn vật.

Cuộc cách mạng của CSDL khởi nguồn từ thập niên 1960 với CSDL lưu trữ bằng máy tính đầu tiên do Charles Bachman thiết lập có tên gọi

Integrated Data Store (Lưu trữ dữ liệu tích hợp [1]). Mười năm sau, tiêu chuẩn cho CSDL hiện đại được định hình khi E.F.Codd công bố mô hình CSDL quan hệ, nơi người dùng có thể tìm kiếm được dữ liệu mà không cần kết nối với hệ thống lưu trữ thông tin dưới dạng vật lý [2]. Đến thập niên 1990, ngành công nghệ dữ liệu đã chuyển mình phát triển mạnh mẽ dưới động lực chính là sự phổ biến của Internet và nền tảng không gian thông tin toàn cầu World Wide Web. Máy tính ngày nay có thể tự động truy quét và lưu trữ dữ liệu theo lập trình sẵn, hoặc hiện đại hơn với trí tuệ nhân tạo tích hợp, xây dựng nên những CSDL khổng lồ hay còn gọi là Big Data. So với CSDL thế hệ cũ, Big Data thể hiện sự mở rộng khủng khiếp về khối lượng thông tin, tốc độ truy cập, sự đa dạng và tính xác thực, từ đó gia tăng giá trị hữu ích của dữ liệu<sup>1</sup>.

Ngày nay, thông tin là nguồn tài nguyên vô tận của nền kinh tế số, CSDL cũng vì thế là tài sản vô giá của doanh nghiệp. Mọi doanh nghiệp lớn trên thế giới, từ lĩnh vực truyền thống đến

\* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: synl@hul.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4378>

<sup>1</sup> Đặc trưng 5V của Big Data bao gồm: Volume (khối lượng), Velocity (tốc độ), Veracity (xác thực), Variety (đa dạng) và Value (Giá trị).

lĩnh vực công nghệ, đều vận hành bằng dữ liệu. Thậm chí, một số công ty hàng đầu như Alphabet (công ty mẹ của Google), Facebook, Amazon,... có thể “chết” nếu thiếu CSDL trong vài giây. Với tầm quan trọng không thể bàn cãi, dữ liệu và CSDL đương nhiên là những đối tượng được pháp luật bảo hộ. Trên cơ sở quy định khung của Công ước Berne 1886, Hiệp định TRIPS 1994, và Hiệp ước của WIPO về quyền tác giả 1996 (WCT), cơ chế bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với dữ liệu và CSDL được nhận diện như sau:

Về dữ liệu, dữ liệu được phân loại thành hai dạng là dữ liệu có tính nguyên gốc và dữ liệu không có tính nguyên gốc [3]. Theo đó, nếu dữ liệu đảm bảo yêu cầu về tính nguyên gốc thì có thể được bảo hộ quyền tác giả dưới hình thức một tác phẩm viết. Đối với dữ liệu không có tính nguyên gốc, loại dữ liệu này tồn tại phổ biến hơn trong đời sống xã hội dưới dạng các thông tin công khai như tên tổ chức/cá nhân, địa chỉ, số điện thoại, giá hàng hóa, chức năng/thành phần sản phẩm,... Các thông tin thực tế như vậy không được xem là tác phẩm và không được bảo hộ quyền tác giả.

Về CSDL, quyền sở hữu trí tuệ đối với CSDL lần đầu tiên được ghi nhận trong Công ước Berne sửa đổi năm 1971 dưới hình thức “tuyển chọn hoặc sắp xếp nội dung” [4] Trên cơ sở đó, Hiệp định TRIPS 1994 đã có quy định chi tiết hơn liên quan đến bảo hộ CSDL: “Các sưu tập dữ liệu hoặc tư liệu khác, dù dưới dạng đọc được bằng máy hay dưới dạng khác, mà việc tuyển chọn hoặc sắp xếp nội dung là thành quả của hoạt động trí tuệ đều phải được bảo hộ như nó vốn có. Việc bảo hộ nói trên, với phạm vi không bao hàm chính các dữ liệu hoặc tư liệu đó, không được làm ảnh hưởng tới bản quyền đang tồn tại đối với chính dữ liệu hoặc tư liệu đó”[5]. Như vậy, CSDL là một đối tượng riêng của quyền tác giả dưới tên gọi “sưu tập dữ liệu”. CSDL chỉ được bảo hộ khi hoạt động sắp xếp, tuyển chọn đó thể hiện được tính nguyên gốc, và việc bảo hộ quyền tác giả với CSDL độc lập với

dữ liệu bên trong nó. Một CSDL được tạo lập nên từ các dữ liệu có tính nguyên gốc phải được sự cho phép của chủ sở hữu quyền tác giả, hoặc không làm phương hại đến quyền tác giả trong trường hợp áp dụng nguyên tắc sử dụng hợp lý (fair use). Ngược lại, nếu một CSDL chỉ tập hợp những dữ liệu không có tính nguyên gốc, ví dụ như danh bạ điện thoại thì có quyền tự do thiết lập; thậm chí, nhiều CSDL khác nhau có thể được bảo hộ riêng cho cùng một nhóm dữ liệu. Cũng cần lưu ý thêm rằng, đối với CSDL do chương trình máy tính tự động khởi tạo toàn bộ, chương trình máy tính đó có thể được bảo hộ quyền tác giả (hoặc sáng chế), và độc lập với sự bảo hộ dành cho CSDL hay dữ liệu bên trong.

Chính những CSDL không có tính nguyên gốc này đã làm phát sinh các vướng mắc pháp lý trong thời đại công nghệ số, khi dữ liệu trở thành loại tài sản quan trọng của doanh nghiệp. Thách thức đặt ra là liệu quyền tác giả cho “sưu tập dữ liệu” có còn phù hợp để bảo hộ các CSDL khổng lồ hiện nay? Chẳng hạn trong lĩnh vực thương mại điện tử, các sản phẩm giao dịch đều thu thập dữ liệu khách hàng<sup>2</sup>, gồm các thông tin không có tính nguyên gốc như thời gian và thói quen truy cập, xu hướng tìm kiếm, lịch sử hoạt động,... để đề xuất quảng cáo cá nhân hóa phù hợp với sở thích của từng đối tượng. Về mặt nguyên tắc, do các thông tin thực nói trên không được bảo hộ nên bất kỳ ai đều có quyền sử dụng nếu họ tiếp cận dữ liệu đó một cách hợp pháp. Từ đó, cơ chế bảo hộ thông thường làm dấy lên lo ngại rằng “tài sản” CSDL của doanh nghiệp sẽ bị đối thủ khai thác dễ dàng và hợp pháp, nhất là với sự hỗ trợ đắc lực của trí tuệ nhân tạo. Trên thực tế, vấn đề này vốn từ lâu đã gây ra sự chia rẽ giữa các hệ thống lập pháp tiên bộ nhất trên thế giới, tiêu biểu là giữa Hoa Kỳ và châu Âu. EU đã ban hành Sắc lệnh bảo hộ CSDL vào năm 1996, thiết lập một quyền *sui generis*<sup>3</sup> cho CSDL. Trong khi đó, Hoa Kỳ vẫn trung thành với cơ chế truyền thống, bảo hộ bằng quyền tác giả cùng các nhánh luật khác liên quan.

<sup>2</sup> Công nghệ thu thập dữ liệu có tên là Cookies, một tập tin nhỏ được gửi đến thiết bị của người dùng để theo dõi và ghi nhớ lịch sử truy cập trên website/ứng dụng đó.

<sup>3</sup> *Sui generis* là từ Latin, sử dụng trong thuật ngữ pháp lý để chỉ một hình thức bảo hộ độc lập, riêng biệt, tồn tại song song với hệ thống bảo hộ thông thường.

## 2. EU và quyền *sui generis* đối với cơ sở dữ liệu

Tháng 3 năm 1996, EU ban hành Sắc lệnh về Bảo hộ CSDL với hai mục tiêu chính: thứ nhất, hài hòa hệ thống bảo hộ CSDL vốn không đồng nhất giữa các quốc gia thành viên, qua đó phát triển thị trường nội khối; và thứ hai, là sáng kiến để khắc phục cơ chế bảo hộ thiếu hiệu quả của quyền tác giả nhằm thúc đẩy đầu tư vào ngành công nghiệp dữ liệu [6]. Một số vụ kiện tiêu biểu làm tiền đề thuyết phục Nghị viện châu Âu về sự bất cập của quyền tác giả trong bảo hộ CSDL có thể kể đến vụ *Van Dale v. Romme* ở Hà Lan. Trong vụ kiện này, Van Dale đòi quyền tác giả riêng cho hệ thống 230,000 từ đề mục sắp xếp theo thứ tự alphabet trong bộ từ điển mà ông là tác giả. Mặc dù Tòa sơ thẩm và phúc thẩm đều cho rằng sự sắp xếp hệ thống của Van Dale được bảo hộ quyền tác giả, Tòa Tối cao Hà Lan lại đưa ra phán quyết ngược lại. Theo đó, Tòa tối cao cho rằng việc sắp xếp mục từ nói trên chưa đáp ứng yêu cầu để được công nhận là tác phẩm do “không thể hiện được quan điểm cá nhân của tác giả”<sup>4</sup> [7].

Từ đó, Sắc lệnh CSDL ra đời để thiết lập hai lớp bảo vệ, gồm: (1) Bảo hộ quyền tác giả cho cấu trúc sắp xếp của CSDL, độc lập với nội dung [8], (2) Bảo hộ cho nội dung của CSDL bằng quyền *sui generis* [8]. CSDL theo định nghĩa của Sắc lệnh có thể dưới dạng điện tử, hoặc lưu trữ vật lý, nhưng không bao gồm việc sưu tập, sắp xếp các vật thể như tem, sách,... [7] Trong vụ kiện giữa *Fixtures Marketing Ltd v. OPAP* về việc khai thác trái phép CSDL kết quả thi đấu các giải bóng đá ở Anh và Scotland, Tòa án Công lý châu Âu (ECJ) đã giới hạn thêm định nghĩa CSDL chỉ bao gồm các tư liệu độc lập, riêng lẻ với tư liệu khác mà không mang giá trị thông tin, văn học, nghệ thuật, hay âm nhạc. Nói cách khác, các tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học hay tác phẩm nghe nhìn khác không thuộc phạm vi bảo hộ của Sắc lệnh Cơ sở dữ liệu [9]. Như vậy, có thể khẳng định, lớp bảo vệ thứ hai được Sắc lệnh tạo ra nhằm bảo hộ một phần, hoặc toàn bộ

nội dung không mang tính nguyên gốc của CSDL. Điều này cũng đồng thời loại bỏ khả năng chồng chéo chức năng giữa quyền tác giả với quyền dành cho CSDL.

Việc bảo vệ hoạt động “sưu tập dữ liệu” bằng quyền tác giả không có gì mới mẻ so với quy định khung của các điều ước quốc tế. Do đó, trọng tâm của Sắc lệnh CSDL chính là hành lang pháp lý về quyền *sui generis*. Quyền này sẽ được trao cho chủ thể “đầu tư đáng kể” (substantial investment) cho việc thu thập, xác thực hoặc trình bày nội dung của CSDL. Sự đầu tư đáng kể đó phải xác định được bằng các phương thức định lượng hoặc định tính [8]. Trong vụ kiện *British Horseracing v. William Hill*<sup>5</sup>, Tòa ECJ đã chỉ ra rằng quyền *sui generis* chỉ áp dụng cho sự đầu tư đáng kể vào hoạt động thiết lập, lưu trữ và vận hành hệ thống CSDL, không áp dụng cho sự đầu tư để tạo ra nội dung dữ liệu bên trong. Ngoài ra, quyền *sui generis* không đương nhiên áp dụng cho mọi loại CSDL chứa nội dung không có tính nguyên gốc. Nếu một CSDL là sản phẩm phụ/phái sinh (spin-offs) được tạo ra trong quá trình thực hiện một chức năng hoặc nhiệm vụ khác, và chỉ bao gồm một nguồn thông tin “thô” đơn nhất, CSDL đó chỉ được bảo hộ quyền tác giả cho công sức tuyển chọn, sắp xếp mà không được hưởng quyền *sui generis*. Chẳng hạn: Danh mục chương trình truyền hình được khởi tạo như một thao tác bắt buộc trong quá trình nhà đài thiết lập hệ thống phát sóng [10].

Khác với quyền tác giả, quyền *sui generis* đối với CSDL không có nhóm quyền nhân thân. Cơ chế này trao cho chủ sở hữu độc quyền sử dụng hai loại quyền tài sản, đó là:

Thứ nhất, quyền “trích xuất” CSDL: được hiểu là quyền chuyển đổi, tạm thời hoặc vĩnh viễn, một phần đáng kể hay toàn bộ nội dung CSDL đến một phương tiện khác dưới bất kỳ hình thức nào [8].

Thứ hai, quyền “khai thác lại” CSDL: đưa một phần đáng kể hoặc toàn bộ nội dung CSDL đến với công chúng bằng cách phân phối bản sao, cho thuê, trực tuyến hoặc hình thức truyền

<sup>4</sup> Nguyên văn: “Copyright will only protect a collection of headwords ‘if it results from a selection process expressing the author’s personal views’”.

<sup>5</sup> Xem thêm: Katharine Stephens (2005), *British Horseracing Board v. William Hill: the race is never lost, till won*.

đạt khác. Sắc lệnh cũng nêu rõ cơ chế hết quyền sẽ được áp dụng sau khi bản sao CSDL đã được bán ra lần đầu tiên [8]. Quyền khai thác lại này có thể được hiểu tương đương với quyền truyền đạt tác phẩm đến công chúng trong quyền tác giả [11].

Một điểm cần lưu ý đối với cả hai quyền trên đó là chủ sở hữu chỉ có quyền ngăn cản khi người khác trích xuất/khai thác lại trái phép một phần “đáng kể” nội dung CSDL. Như vậy, công chúng có quyền tự do sử dụng một phần nhỏ (không đáng kể) nội dung CSDL, miễn là việc sử dụng đó không lặp đi lặp lại một cách có hệ thống hoặc gây ảnh hưởng bất hợp lý đến quyền lợi chính đáng của chủ sở hữu [8]. Sắc lệnh không giải thích thêm về cách thức xác định như thế nào là “đáng kể”, mà để ngỏ cho Tòa án quyết định trong từng vụ việc cụ thể. Sắc lệnh cũng chỉ ra một số trường hợp ngoại lệ được quyền sử dụng một phần đáng kể CSDL đã bộc lộ công khai mà không cần xin phép cho mục đích cá nhân (không áp dụng với CSDL điện tử), nghiên cứu, giảng dạy, hoặc vì mục đích an ninh công cộng hay theo thủ tục hành chính/tư pháp [8].

Quyền *sui generis* dành cho CSDL có thời hạn 15 năm tính từ ngày đầu tiên của tháng 1 của năm tiếp theo năm CSDL được tạo ra. Trong trường hợp CSDL được bộc lộ tới công chúng bằng bất kỳ hình thức nào trước khi kết thúc thời hạn 15 năm kể trên, quyền *sui generis* sẽ kéo dài thêm 15 năm kể từ thời điểm bị bộc lộ. Tuy nhiên, thời hạn bảo hộ CSDL hoàn toàn có thể “gia hạn” bằng cách tiếp tục tái đầu tư đáng kể để tạo ra phiên bản mới trên nền tảng CSDL cũ [8].

### 3. Hoa Kỳ từ chối áp dụng quyền “*sui generis*”

Sau khi quyền *sui generis* được ban hành ở châu Âu, một số dự thảo luật đã được trình lên Quốc hội Hoa Kỳ. Chẳng hạn Dự thảo Đạo luật chống vi phạm sở hữu trí tuệ và đầu tư CSDL 1996, Đạo luật chống vi phạm bản quyền sưu tập thông tin 1997 (đề trình tiếp lần hai vào năm 1999), Đạo luật về quyền tiếp cận thông tin của người tiêu dùng và nhà đầu tư 1999, Đạo luật chống chiếm đoạt CSDL và sưu tập thông tin

2003. Tuy nhiên, kết cục chung của tất cả các dự thảo kể trên là đều không được Quốc hội thông qua [12]. Điều này đã chứng minh cho lập trường của phần lớn các nhà lập pháp Hoa Kỳ trong việc chỉ bảo hộ CSDL bằng cơ chế truyền thông là quyền tác giả cùng các ngành luật khác liên quan.

Trước hết, CSDL ở Hoa Kỳ được bảo hộ dưới dạng “bộ sưu tập” tức là hoạt động thu thập và sắp xếp các tư liệu có sẵn hoặc dữ liệu đã được chọn lọc để tạo ra một tổng thể cấu thành tác phẩm gốc [13]. Phù hợp với quy định khung của các điều ước quốc tế về quyền tác giả, sưu tập dữ liệu ở Hoa Kỳ chỉ được bảo hộ đối với tổng thể CSDL, không bảo hộ riêng cho từng phần và độc lập với nội dung CSDL. Tuy nhiên, việc áp dụng quy định kể trên trong thực tiễn xét xử không hề dễ dàng. Trong giai đoạn trước năm 1991, ở Hoa Kỳ tồn tại hai luồng quan điểm trái ngược nhau. Một là, từ chối bảo hộ quyền tác giả cho CSDL bởi cho rằng, chỉ đơn thuần lựa chọn và sắp xếp thông tin thực tế (facts) không tạo nên tính nguyên gốc. Hai là, chấp thuận bảo hộ cho CSDL nếu chủ sở hữu chứng minh được “công sức”<sup>6</sup> mà mình đã đầu tư vào đó [14]. Mãi đến năm 1991 khi Tối cao pháp viện đưa ra phán quyết cho vụ *Feist Publication v. Rural Telephone Service Co.*, các tiêu chuẩn về bảo hộ CSDL mới được thống nhất. Trong vụ kiện trên, Tòa đã quyết định không bảo hộ quyền tác giả cho “trang trắng” danh bạ điện thoại sắp xếp theo thứ tự alphabet [15]. Mặc dù danh bạ thể hiện được sự tuyển chọn, nhưng cách thức sắp xếp như vậy là đặc trưng tất yếu, sức sáng tạo quá nhỏ để cấu thành tính nguyên gốc. Tuy nhiên, Tòa cũng khẳng định lại rằng tiêu chuẩn sáng tạo cho một tác phẩm là cực kỳ thấp, và CSDL chỉ cần thể hiện được “một mức sáng tạo tối thiểu” là đủ để bảo hộ [16]. Mức tối thiểu đó cũng sớm được làm rõ trong vụ *Key Publication, Inc v. Chinatown Today Publishing Enterprises, Inc.* khi “trang vàng” danh bạ điện thoại doanh nghiệp được tòa án trao quyền tác giả [12].

Nhưng chủ sở hữu CSDL đương nhiên cần những cơ chế vững chắc hơn để bảo vệ nội dung CSDL, đặc biệt là những nội dung không nguyên

<sup>6</sup> Nguyên văn: “Sweat of the brow”.

gốc - đối tượng vốn không được bảo hộ quyền tác giả. Hoa Kỳ đã có nhiều lớp bảo vệ khác để củng cố cho khả năng bảo vệ CSDL điện tử. Trong Đạo luật Bản quyền thiên niên kỷ kỹ thuật số, Hoa Kỳ quy định cấm gian lận sử dụng các phương thức công nghệ để kiểm soát truy cập tác phẩm được bảo hộ; đồng thời, trách nhiệm pháp lý cũng được đặt ra cho người sản xuất hoặc cung ứng các loại thiết bị, công nghệ phục vụ mục đích đó [17]. Ngoài ra, hành vi truy cập trái phép CSDL kỹ thuật số còn có thể bị điều chỉnh bởi Đạo luật Lạm dụng và Gian lận Máy tính 1984 [18]

Một số chế định khác cũng có thể áp dụng để củng cố cho hành lang pháp lý bảo hộ CSDL mà không cần đến quyền *sui generis*, trong đó bao gồm bí mật thương mại và cạnh tranh không lành mạnh [18]. Tối cao pháp viện Hoa Kỳ trong quá trình xét xử đã thiết lập một học thuyết khá giống với cơ chế quyền *sui generis* nhưng có phạm vi áp dụng rộng hơn, đó là học thuyết chiếm đoạt. Theo đó, nếu một người đầu tư công sức, kỹ năng và tài chính để tạo ra một tài sản vô hình, nhưng tài sản đó không phải đối tượng sở hữu trí tuệ, thì học thuyết này trao cho người đầu tư một quyền “gần giống” quyền tài sản. Quyền này cho phép người đầu tư ngăn chặn các hành vi sử dụng trái phép tài sản mình tạo ra [19]. Với cơ chế kích hoạt hầu như tương đương quyền *sui generis*, chủ sở hữu CSDL ở Hoa Kỳ hoàn toàn có thể vận dụng để bảo vệ quyền lợi. Điểm hạn chế lớn nhất của học thuyết chiếm đoạt chính là nó chỉ điều chỉnh hành vi của những chủ thể được xem là đối thủ cạnh tranh.

#### 4. Cơ chế nào cho Việt Nam?

Sự cần thiết của quyền *sui generis* vẫn là một vấn đề tranh cãi chưa có hồi kết. Nếu như quan điểm ủng hộ cho rằng CSDL cần một quyền riêng để bảo vệ thành quả đầu tư, đặc biệt trong môi trường kỹ thuật số nơi toàn bộ nội dung có thể bị chiếm đoạt chỉ bằng vài cú click chuột. Ngoài ra, quyền *sui generis* cũng tạo nên lợi thế pháp lý cho các doanh nghiệp sở hữu CSDL. Ở

chiều ngược lại, người ta cũng lo ngại rằng quyền *sui generis* sẽ tiếp tay cho sự độc quyền thông tin, hạn chế khả năng tiếp cận của công chúng. Ngoài hành lang pháp lý, nhà đầu tư hoàn toàn có thể thiết lập thêm rào cản kỹ thuật để ngăn chặn truy cập trái phép. Có thể thấy, cả hai hệ thống đều đã bộc lộ những điểm bất cập trước sự phát triển của công nghệ. Chẳng hạn, châu Âu chưa ban hành bất kỳ tiêu chuẩn nào để đo lường sự đầu tư “đáng kể” cho việc tạo ra CSDL. Vậy việc đầu tư để tạo ra thiết bị hay công nghệ tự động khởi tạo CSDL có được xem xét? Trong trường hợp được tính, nếu thiết bị/công nghệ đó có khả năng khởi tạo nhiều bộ CSDL, sự đầu tư sẽ được tính một lần hay nhiều lần? [12]. Hoặc, tòa án Hoa Kỳ sẽ đánh giá mức độ sáng tạo của tác giả (chọn lựa và sắp xếp) như thế nào đối với CSDL được khởi tạo tự động toàn bộ bởi chương trình máy tính?

Về pháp luật Việt Nam, hệ thống sở hữu trí tuệ hiện hành hầu như chưa có hướng dẫn chi tiết nào ngoài quy định về bảo hộ quyền tác giả đối với sưu tập dữ liệu theo đúng tinh thần của Hiệp định TRIPS<sup>7</sup>. CSDL nếu được lưu trữ trên môi trường mạng được Luật Công nghệ thông tin bảo vệ khỏi các hành vi xâm nhập, sửa đổi, xóa bỏ nội dung hoặc bê khóa, trộm cắp, sử dụng mật khẩu trái phép<sup>8</sup>. Dưới góc độ luật cạnh tranh, chủ sở hữu CSDL bị xâm phạm có thể vận dụng quy định về cấm “tiếp cận, thu thập thông tin bí mật trong kinh doanh bằng cách chống lại các biện pháp bảo mật của người sở hữu thông tin đó”<sup>9</sup>. Tuy nhiên, quy định trên chỉ có thể viện dẫn khi CSDL được chủ sở hữu áp dụng các biện pháp bảo vệ dưới dạng bí mật kinh doanh. Còn đối với CSDL chứa thông tin công khai và không có tính nguyên gốc, vốn chiếm tỷ lệ rất lớn, thì chưa có quy định phù hợp để bảo vệ quyền lợi chính đáng. Trong khi đó, Việt Nam ghi nhận ngày càng nhiều sự đầu tư xây dựng các CSDL cùng chứa nội dung tương tự nhau, đơn cử như CSDL văn bản pháp luật có thể truy cập tại nhiều hệ thống website gồm [thuvienphapluat.vn](http://thuvienphapluat.vn), [thukyluat.vn](http://thukyluat.vn), [luatvietnam.vn](http://luatvietnam.vn), [thegioiluat.vn](http://thegioiluat.vn),...

<sup>7</sup> Điều 22.2. Luật Sở hữu trí tuệ 2005 (sửa đổi, bổ sung 2009 và 2019).

<sup>8</sup> Điều 72.2(a),(d), Luật Công nghệ thông tin 2006.

<sup>9</sup> Điều 45.1(a), Luật Cạnh tranh 2018.

với các tính năng tương tự nhau. Điều này tiềm ẩn nhiều nguy cơ xảy ra tranh chấp liên quan đến việc khai thác và sử dụng nội dung CSDL.

So sánh với EU, Việt Nam không có mục tiêu phải hài hòa hệ thống bảo hộ CSDL như EU cần làm giữa các nước thành viên. Liệu quyền *sui generis* có trở thành là lực cản cho kỹ nguyên dữ liệu lớn (big data) vốn phải khai thác nội dung của vô số CSDL khác nhau. Ở chiều ngược lại khi so với Hoa Kỳ, Việt Nam không theo truyền thống thông luật với cơ chế xét xử linh hoạt và quyền lực để tự thiết lập các chuẩn mực bảo hộ CSDL. Ngoài quyền tác giả, các lĩnh vực khác như luật cạnh tranh cũng chưa có các quy định đầy đủ để điều chỉnh nếu có tranh chấp xảy ra, đặc biệt trên nền tảng số. Kinh nghiệm cũng cho thấy Việt Nam thường chỉ có thể điều chỉnh tốt một đối tượng khi có hành lang pháp lý chi tiết và rõ ràng. Do vậy, quyền *sui generis* dành cho CSDL là hướng tiếp cận phù hợp với bối cảnh Việt Nam hiện tại. Quyền này nên được tích hợp trong nhóm quyền liên quan đến quyền tác giả để không phá vỡ cấu trúc ngành luật sở hữu trí tuệ. Việc thắt chặt điều kiện hưởng quyền *sui generis* là cần thiết để tránh hiện tượng lạm dụng độc quyền thông tin, đồng thời tạo điều kiện cho sự phát triển của công nghệ dữ liệu lớn. Bằng cách này, chỉ một số CSDL phức tạp mới đáp ứng được yêu cầu của cơ chế mới, khi chứng minh được sự đầu tư đáng kể và mức độ sáng tạo nhất định; từ đó, giảm thiểu sự xáo trộn đến hệ thống bảo hộ hiện hành.

### Tài liệu tham khảo

- [1] The History of Databases, <https://www.thinkautomation.com/histories/the-history-of-databases/>, last accessed 06/08/2021.
- [2] Timeline of Database History, <https://www.quickbase.com/articles/timeline-of-database-history>, last accessed ngày 06/08/2021.
- [3] N. T. T. Hà, Dữ liệu được bảo hộ như thế nào? 2017, <https://khoaahocphattrien.vn/chinh-sach/du-lieu-duoc-bao-ho-nhu-the-nao/20170222044033733p1c785.htm>, last accessed 06/08/2021.
- [4] Công ước Berne 1886 (sửa đổi 1971) về bảo hộ các tác phẩm văn học, nghệ thuật.
- [5] Hiệp định về các khía cạnh liên quan tới thương mại trong quyền sở hữu trí tuệ của WTO.
- [6] S. Constantine (Ed.), Rethinking database rights and data ownership in an AI world, Singapore Academy of Law, Law Reform Committee, Singapore, 2020.
- [7] B. Hugenholtz, Something Completely Different: Europe's Sui Generis Databases Right, Chapter 9 in S. Frankel & D. Gervais (Eds.), The Internet and Emerging Importance of New Forms of Intellectual Property, Wolters Kluwer, the Netherlands, 2016.
- [8] Directive 96/9/EC on the legal protection of databases, <https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=celex%3A31996L0009>.
- [9] Case C-444/02 Fixtures Marketing Ltd v. Organismos prognostikon agonos podofairou AE (OPAP) [2004] ECR I-10549, para.29, <https://curia.europa.eu/juris/liste.jsf?num=C-444/02>, last accessed 06/08/2021.
- [10] P. Burdese, AI-Generated Databases: Do the Creation/obtaining Dichotomy and the Substantial Investment Requirement Exclude the Sui Generis Right Provided for under the EU Database Directive? Reflections and Proposals, WIPO Academy, University of Turin and ITC-ILO. Research Papers Collection. (2020).
- [11] M. Schellekens, A database right in search results? - An intellectual property right reconsidered in respect of computer generated databases, Computer Law & Security Review 27. (2011).
- [12] S. E. Trosow, Sui Generis database legislation: A critical analysis, Yale Journal of Law & Technology. Vol.7. (2005).
- [13] The Copyright Act (17 U.S. Code), <https://www.law.cornell.edu/uscode/text/17/chapter-1>, last accessed 08/08/2021.
- [14] Q. H. Chang, A Comparative Study of Electronic Database and Copyright Protection, NTUT Journal of Intellectual Property Law & Management. Vol.6, Issue2. (2017).
- [15] W. B. Payne & D. O'Sullivan, Exploding the Phone Book: Spatial Data Arbitrage in the 1990s Internet Boom, Annals of the American Association of Geographers. Vol.110(2). (2020).
- [16] P. J. Cardinale, Sui Generis Database Protection: Second Thoughts in the European Union and What it means for the United States, Chicago-Kent Journal of Intellectual Property. Vol.6, Issue 2. (2007).
- [17] The Digital Millennium Copyright Act 1998, <https://www.govinfo.gov/content/pkg/PLAW-105publ304/pdf/PLAW-105publ304.pdf>, last accessed 08/08/2021.
- [18] M. Leaffer, Database protection in the United States is alive and well: Comments on Davison, Case Western Reserve Law Review. Volume 7, Issue 4. (2007). Misappropriation, <https://www.law.cornell.edu/wex/misappropriation>.